

Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Mẫu số: C31-HD

Bộ phận: Hành chính

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC

Mã đơn vị SDNS:1098181

ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

Số HS ăn:

444

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

55,396 Đồng

Thứ 2

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		177.6		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn Meizan		Lít		10	50,000	500,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Giò lợn		Kg		41	150,000	6,150,000
6	Thịt gà CN mổ sẵn bỏ đầu		Kg		65	90,000	5,850,000
7	Trứng vịt		Quả		444	3,500	1,554,000
8	Rau xanh		Kg		45	12,000	540,000
9	Củ quả (su su, bí ...)		Kg		45	12,000	540,000
10	Gừng		kg		1	30,000	30,000
11	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
12	Thịt bò		Kg		37	250,000	9,250,000
	Cộng :						24,596,000

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)



Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị: SDNS:1098181

Mẫu số: C31-HD

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC
ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

SỐ HS ăn:

444

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

43,432 Đồng

Thứ 3

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		177.6		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn Meizan		Lít		20	50,000	1,000,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Lạc đỏ khô		Kg		13	60,000	780,000
7	Cá trắm mỡ sẵn bỏ đầu		Kg		60	100,000	6,000,000
8	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
9	Củ quả (su su, bí ...)		Kg		45	12,000	540,000
10	Trứng vịt		Kg		100	3,500	350,000
11	Bột canh		gói		1	12,000	12,000
12	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
13	Thịt lợn móng xay		Kg		76	130,000	9,880,000
	Cộng :						19,284,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)

Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị: SDNS:1098181

Mẫu số: C31-HD

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC

ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

SỐ HS ăn:

444

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

43,552 Đồng

Thứ 4

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		177.6		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn meizan		Lít		2	50,000	100,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Thịt gà CN mổ sẵn bỏ đầu		Kg		65	90,000	5,850,000
7	Trứng vịt		Quả		440	3,500	1,540,000
8	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
9	Củ quả (su su, bí ...)		Kg		45	12,000	540,000
10	Đậu phụ		Kg		55	20,000	1,100,000
11	Gừng		kg		2	30,000	60,000
12	Hành lá		Kg		0.5	50,000	25,000
13	Cà chua		Kg		10	20,000	200,000
14	Thịt bò		Kg		37	250,000	9,250,000
	Cộng :						19,337,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười chín triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng gà dùng theo thực tế)



Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị: SDNS:1098181

Mẫu số: C31-HD

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC
ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

Số HS ăn:

444

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

- **Đồng**

Thứ 5

Nợ::.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		177.6		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn meizan		Lít		11	50,000	550,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Thịt lợn mỡ		Kg		41	130,000	5,330,000
7	Lạc nhân đỏ		Kg		13	60,000	780,000
8	Cá trắm		Kg		60	100,000	6,000,000
9	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
10	Củ quả (su su, bí ...)		kg		45	12,000	540,000
11	Bột canh		gói		1	5,000	5,000
12	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
13	Thịt lợn mỡ xay		kg		38	130,000	4,940,000
	Cộng :						18,867,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)



Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị SDNS:1098181

Mẫu số: C31-HD

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC
ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

Số HS ăn:

441

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

44,517 Đồng

Thứ 6

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm,	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		176.4		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn meizan		Lít		1	50,000	50,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Giò lợn		Kg		41	150,000	6,150,000
7	Thịt lợn		Kg		41	130,000	5,330,000
8	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
9	Củ quả (su su, bí ...)		kg		45	12,000	540,000
10	Đậu phụ		Kg		55	20,000	1,100,000
11	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
12	Gói kho tàu		Gói		35	6,000	210,000
13	Cà chua		Kg		10	20,000	200,000
14	Thịt lợn kho tàu		Kg		41	130,000	5,330,000
Cộng :							19,632,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)

Đơn vị Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị SDNS: 109818

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC
ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG
THÁNG 9**

SỐ HS ăn:

440

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

42,539 Đồng

Thứ 7

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		176		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn Meizan		Lít		20	50,000	1,000,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Trứng vịt		Quả		100	3,500	350,000
7	Lạc khô đỏ		Kg		13	60,000	780,000
8	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
9	Củ quả (su su, bí ...)		kg		45	12,000	540,000
10	Đậu phụ		Kg		55	20,000	1,100,000
11	Bột canh		gói		1	5,000	5,000
12	Gừng		kg		1	30,000	30,000
13	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
14	Thịt lợn xay		kg		38	130,000	4,940,000
15	Thịt bò		Kg		37	250,000	9,250,000
	Cộng :						18,717,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)

Đơn vị: Trường PTDTNT - THPT

Bộ phận: Hành chính

Mã đơn vị SDNS:1098181

Mẫu số: C31-HD

(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC

ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN ĂN CÁC NGÀY TRONG

THÁNG 9

Số HS ăn:

444

Tiền ăn 1 HS/Ngày:

44,360 Đồng

CN

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận) cấp dưỡng

Lý do xuất kho: nấu ăn cho học sinh

Xuất tại kho (ngăn lô) Lò Thị Hiền Địa điểm : Trường PTDTNT - THPT Na Sang

Số TT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo IR64		Kg		177.6		-
2	Mỳ chính vedan		Kg		0.4	65,000	26,000
3	Muối i ốt		Kg		2	5,000	10,000
4	Dầu ăn meizan		Lít		10	50,000	500,000
5	Nước mắm nam ngư		Chai		6	16,000	96,000
6	Chả lợn		Kg		38	145,000	5,510,000
7	Thịt lợn mỡ, vai		Kg		82	130,000	10,660,000
8	Trứng vịt		Quả		444	3,500	1,554,000
9	Rau xanh		kg		45	12,000	540,000
10	Củ quả (su su, bí ...)		kg		45	12,000	540,000
11	Hành lá		Kg		1	50,000	50,000
12	Gói kho tàu		Kg		35	6,000	210,000
	Cộng :						19,696,000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng

(Ghi chú: Số lượng ga dùng theo thực tế)